

Bản án số: 188/2024/DS-ST
Ngày 30 – 9 – 2024
V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI NƯỚC, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Trúc Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Võ Tấn Liêm

Ông Nguyễn Tấn Lộc.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Vui - Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.

Ngày 30 tháng 9 năm 2024 tại Tòa án nhân dân huyện Cái Nước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 404/2024/TLST-DS ngày 19 tháng 8 năm 2024 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 240/2024/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 9 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Thanh V, sinh năm 1982 (Có mặt).

Địa chỉ cư trú: Khóm A, thị trấn C, huyện C, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Anh Dương Văn C, sinh năm 1988 (Có mặt)

Chị Hồ Thanh H, sinh năm 1991 (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ cư trú: Khóm A, thị trấn C, huyện C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 14/8/2024 và các lời khai tại Tòa án anh Nguyễn Thanh V (nguyên đơn) trình bày:

Anh có cho vợ chồng anh C và chị H vay vào ngày 19 tháng 9 năm 2021 dương lịch, số tiền là 10.000.000 đồng và ngày 18 tháng 10 năm 2021 dương lịch, vay số tiền là 10.000.000 đồng. Hai bên thoả thuận lãi suất theo quy định pháp luật và anh C có viết biên nhận nợ. Từ khi vay đến nay, anh C chỉ trả lãi suất là 500.000 đồng. Nay anh yêu cầu anh C và chị H trả số tiền vay là 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) và lãi suất theo quy định.

Tại biên bản làm việc ngày 20/9/2024, anh Dương Văn C (Bị đơn) trình bày:

Ngày 18/10/2021 dương lịch, anh có vay của anh **V** số tiền là 10.000.000 đồng; Ngày 19/9/2021 dương lịch, vay số tiền là 10.000.000 đồng, lãi suất tự thoả thuận. Khi vay tiền của anh **V** thì anh có làm biên nhận nợ, do anh viết và ký tên nên không yêu cầu giám định chữ viết, chữ ký tại biên nhận nợ. Tổng số tiền anh vay của anh **V** là 20.000.000 đồng, anh có đóng lãi cho anh **V** nhưng không nhớ số tiền bao nhiêu, khi đóng lãi không có làm biên nhận. Anh vay của anh **V** để trang trải sinh hoạt chung trong gia đình. Nay anh đồng ý trả cho anh **V** số tiền vay vốn là 20.000.000 đồng, đối với lãi suất thì anh xin không trả cho anh **V** do hoàn cảnh khó khăn không có khả năng trả.

Tại phiên tòa:

Anh **V** yêu cầu anh **C**, chị **H** trả số tiền vay vốn là 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) và lãi suất theo quy định đối với số tiền là 20.000.000 đồng, từ ngày 18/10/2021 dương lịch đến khi giải quyết xong.

Phía anh **C** trình bày có đóng lãi cho anh **V** khoảng trên 4 tháng nhưng không nhớ số tiền đã đóng lãi là bao nhiêu và cũng không có biên nhận đối với số tiền lãi đã đóng. Anh **C** đồng ý trả cho anh **V** số tiền là 20.000.000 đồng và xin không trả lãi suất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Chị **Hồ Thanh H** đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do tại phiên tòa sơ thẩm lần thứ hai nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị **H** theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ Luật tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền:*

Tranh chấp giữa nguyên đơn anh **Nguyễn Thanh V** với bị đơn anh **Dương Văn C** và chị **Hồ Thanh H** là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” được quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn anh **Dương Văn C** và chị **Hồ Thanh H** có địa chỉ cư trú tại **khóm A, thị trấn C, huyện C, tỉnh Cà Mau**. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Cái Nước thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] *Về nội dung vụ án:*

[3.1] *Đối với tiền vay:*

Hội đồng xét xử xét thấy, đối với yêu cầu khởi kiện của anh **V** về việc yêu cầu anh **C**, chị **H** trả số tiền vay vốn là 20.000.000 đồng và lãi suất, anh **V** có cung cấp biên nhận nợ vay vào ngày 19 tháng 9 năm 2021 dương lịch, số tiền là 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) và biên nhận vay ngày 18 tháng 10 năm 2021 dương lịch, số tiền là 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng). Phía anh **C** thừa nhận có viết, ký tên các biên nhận nợ này và đồng ý trả cho anh **V** số tiền là 20.000.000 đồng. Phía chị **H** không có ý kiến trong việc tranh chấp giữa các bên, anh **C** xác định tiền vay của anh **V** để phát triển

kinh tế chung trong gia đình, quan hệ hôn nhân của anh C và chị H vẫn tồn tại. Hội đồng xét xử xét thấy, sự việc anh C có vay của anh V số tiền là 20.000.000 đồng là thực tế có xảy ra, được anh C thừa nhận và đồng ý trả. Đây là những tình tiết, sự kiện không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3.2] Đối với lãi suất,

Anh V1 yêu cầu lãi suất theo quy định với số tiền là 20.000.000 đồng, từ ngày 18/10/2021 dương lịch đến khi giải quyết xong, xác định anh C có trả số tiền là 500.000 đồng và đồng ý đối trừ. Phía anh C trình bày có trả lãi cho anh V1 khoảng trên 4 tháng nhưng không nhớ trả bao nhiêu và cũng không có biên nhận trả lãi nên Hội đồng xét xử chấp nhận số tiền lãi anh C đã trả cho anh V1 là 500.000 đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy, việc giao dịch vay tiền giữa các bên, theo anh V1 và anh C xác định tại biên nhận nợ lãi suất do hai bên tự thỏa thuận. Theo quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự bên vay không trả hoặc trả không đầy đủ thì bên vay phải trả lãi. Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu của anh V1 về việc buộc anh C, chị H trả lãi theo quy định của pháp luật từ khi vay cho đến khi giải quyết xong vụ án. Tuy nhiên, tại các biên nhận nợ không ghi rõ mức lãi suất mà hai bên thỏa thuận và các đương sự không thống nhất xác định được mức lãi suất mà hai bên đã thỏa thuận. Theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015: “*Trường hợp các bên có thỏa thuận về trả lãi, nhưng không xác định rõ về lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ*”. Do đó, buộc anh C, chị H phải trả lãi tính từ ngày 18/10/2021 dương lịch đến ngày xét xử sơ thẩm, xác định mức lãi suất mà anh C, chị H chịu là 10%/năm, cụ thể:

Vay ngày 18 tháng 10 năm 2021 dương lịch, đến ngày giải quyết là 2 năm 11 tháng 12 ngày.

$20.000.000 \text{ đồng} \times 2 \text{ năm } 11 \text{ tháng } 12 \text{ ngày} \times 10\%/ \text{năm} = 5.900.000 \text{ đồng}$ (Làm tròn số).

Đối trừ số tiền lãi suất đã trả, số tiền lãi con lại là: $5.900.000 \text{ đồng} - 500.000 \text{ đồng} = 5.400.000 \text{ đồng}$.

Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy, có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh V1, buộc anh C và chị H phải có nghĩa vụ trả cho anh V1 số tiền vay vốn là 20.000.000 đồng và lãi suất là 5.400.000 đồng, tổng cộng là 25.400.000 đồng. Ngoài ra, anh C và chị H còn phải chịu thêm khoản tiền lãi đối với khoản tiền phải thanh toán nếu chậm thực hiện nghĩa vụ theo quy định pháp luật.

[5] Về án phí: Áp dụng Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Anh **C**, chị **H** phải chịu 5% án phí dân sự có giá ngạch đối với số tiền phải trả cho anh **V1**, cụ thể: $25.400.000 \times 5\% = 1.270.000$ đồng.

Anh **V1** không phải chịu án phí, số tiền đã dự nộp được nhận lại.

[6] *Về quyền kháng cáo*: Đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 463; Điều 466; Điều 468 Bộ luật dân sự;
Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về nội dung*:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh **Nguyễn Thanh V**.

Buộc anh **Dương Văn C** và chị **Hồ Thanh H** phải có nghĩa vụ trả cho anh **Nguyễn Thanh V** số tiền vay vốn là 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) và lãi suất là 5.400.000 đồng, tổng cộng là 25.400.000 đồng (Hai mươi lăm triệu bốn trăm nghìn đồng).

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. *Về án phí*:

Anh **Dương Văn C** và chị **Hồ Thanh H** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 1.270.000 đồng, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Nước khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Anh **Nguyễn Thanh V** không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho anh **V** số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 500.000 đồng, theo biên lai số 0013543 ngày 14/8/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Nước.

Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai, các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị **Hồ Thanh H** vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Chi cục THADS cùng cấp;
- Phòng KTNV&THA;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Trúc Hằng